

Bản án số: **164/2020/DS - ST**

Ngày: 29/6/2020

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Liên Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLST-DS ngày 09/01/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST - DS ngày 10/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: lầu 8, 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc Minh, sinh năm 1991; Địa chỉ: 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1862/2019/UQ-TTT ngày 19/9/2019 của Ngân hàng TMCP A) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Triệu Tấn H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 107/26/2 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A và các bản tự khai của ông Nguyễn Ngọc Minh là người đại diện theo ủy của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/11/2008, ông Triệu Tấn H có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng thẻ tín dụng), hạn mức tín dụng là 10,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H

đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58,272,150 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (quy định tại Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 75,454,500 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ các khoản nợ còn lại. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/04/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 9,980,993 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Hải, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP A khởi kiện bị đơn ông Triệu Tấn H yêu cầu:

Buộc ông Triệu Tấn H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/02/2020 là 25,271,243 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi một ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 9.980.993 đồng và lãi quá hạn: 15.290.250 đồng. Ngoài ra ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/02/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng hai bên đã ký.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông H để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc Minh trình bày: nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền tính đến ngày 29/6/2020 là 26.623.223 đồng (trong đó nợ gốc là 9.980.993 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.642.230 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/6/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên đã ký.

Bị đơn, ông Triệu Tấn H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2020 là

26.623.223 đồng (trong đó nợ gốc là 9.980.993 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.642.230 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/6/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên đã ký là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu Bị đơn, ông Triệu Tấn H trả tiền vay từ hợp đồng dùng thẻ tín dụng còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2008 giữa Ngân hàng với ông Hải; Kết quả xác minh của Công an Phường 10, quận Tân Bình, thể hiện ông Triệu Tấn H, sinh năm 1975, có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại 107/26/2 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, thực tế cư trú tại địa chỉ trên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về người tham gia tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 29/5/2020, lần thứ hai ngày 29/6/2020), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 9.980.993 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2008 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm. Theo đó Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 10.000.000 đồng cho Bị đơn với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo bảng tóm tắt sao kê nợ chưa thanh toán của khách hàng Triệu Tấn H thì tính đến ngày 29/6/2020 Bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 9.980.993 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2008 nên Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 9.980.993 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn:*

Ngày 01/4/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn căn cứ theo quy định Điều 23 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hai bên đã ký ngày 20/11/2008 (lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất*

thỏa thuận đối với khách hàng”. Ngoài ra tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn 16.642.230 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/6/2020 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về thời hạn thanh toán*: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 01/4/2016 Bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 1.331.161 đồng. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 581.350 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Triệu Tấn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tính đến ngày 29/6/2020 là **26.623.223** (Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm hai mươi ba) đồng. Trong đó nợ gốc là 9.980.993 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.642.230 đồng.

Buộc ông H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/6/2020 cho đến khi ông H trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2008 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm giữa Ngân hàng với ông Hải.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Triệu Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.331.161** (Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn một trăm sáu mươi một) đồng.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 581.350 (Năm trăm tám mươi một nghìn ba trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039656 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thiện

